

Số: 6816 /QĐ-ĐHYD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2024 đợt 2

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ thông báo số 1200/TB-ĐHYD ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 - năm 2024

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2024 đợt 2 và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2024 đợt 2 cho 59 (năm mươi chín) học viên của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh thuộc 16 ngành (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng Khoa/Bộ môn liên quan và học viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTSĐH_TTMH

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Quốc Đạt

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM 2024 ĐỢT 2 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**
(Đính kèm theo quyết định số 6816/QĐ-ĐHYD, ngày 01 tháng 11 năm 2024 của
Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
1. Ngành Khoa học y sinh (mã số đào tạo: 9720101): 11 học viên						
1.	Võ Khánh Phương	Nam	09/03/1992	Trà Vinh	3 năm	Giải phẫu học
2.	Lê Văn Đám	Nam	04/05/1994	Trà Vinh	3 năm	Giải phẫu học
3.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	08/03/1981	Hà Nội	3 năm	Giải phẫu học
4.	Đoàn Nguyễn Nhật Tín	Nam	10/06/1991	Quảng Ngãi	3 năm	Giải phẫu học
5.	Lê Chí Thanh	Nam	26/06/1981	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Hóa sinh
6.	Lưu Thị Thu Thảo	Nữ	12/05/1987	Cần Thơ	3 năm	Mô phôi - Di truyền
7.	Hoàng Quốc Tường	Nam	15/11/1984	Kiên Giang	3 năm	Sinh lý bệnh – Miễn dịch học
8.	Trần Diễm Trang	Nữ	20/10/1983	Long An	3 năm	Sinh lý bệnh – Miễn dịch học
9.	Đoàn Trúc Quỳnh	Nữ	08/08/1987	Bình Thuận	3 năm	Sinh lý học
10.	Nguyễn Thị Trúc Anh	Nữ	27/08/1982	Kiên Giang	3 năm	Vi sinh y học
11.	Nguyễn Ngọc Lân	Nam	09/02/1975	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Vi sinh y học
2. Ngành Ngoại khoa (mã số đào tạo: 9720104): 07 học viên						
1.	Nguyễn Kinh Bang	Nam	16/02/1976	Vĩnh Long	3 năm	Ngoại - nhi
2.	Nguyễn Nguyên Thắng	Nam	26/03/1993	Đắk Lắk	3 năm	Ngoại - Nhi
3.	Hà Thị Bích Trâm	Nữ	09/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Ngoại thần kinh - sọ não
4.	Trần Vũ Hoàng Dương	Nam	18/10/1989	Bình Định	3 năm	Ngoại thần kinh - sọ não
5.	Nguyễn Thanh Lâm	Nam	18/08/1989	Bình Thuận	3 năm	Ngoại thần kinh - sọ não
6.	Nguyễn Vĩnh Bình	Nam	17/12/1981	Long An	3 năm	Ngoại thận và tiết niệu
7.	Phan Đỗ Thanh Trúc	Nữ	11/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Ngoại thận và tiết niệu
3. Ngành Sản phụ khoa (mã số đào tạo: 9720105): 03 học viên						
1.	Đoàn Trọng Nghĩa	Nam	07/03/1986	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Sản phụ khoa

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
2.	Nguyễn Đức Minh Quân	Nam	22/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Sản phụ khoa
3.	Phạm Hùng Cường	Nam	08/04/1989	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Sản phụ khoa
4. Ngành Nhi khoa (mã số đào tạo: 9720106): 03 học viên						
1.	Ngô Thị Thanh Thủy	Nữ	18/06/1983	Đồng Nai	3 năm	Nhi khoa
2.	Nguyễn Phước Sang	Nam	04/05/1987	An Giang	3 năm	Nhi khoa
3.	Nguyễn Thị Liên Chi	Nữ	04/01/1983	Lâm Đồng	3 năm	Nhi khoa
5. Ngành Nội khoa (mã số đào tạo: 9720107): 13 học viên						
1.	Lê Minh Phúc	Nữ	14/04/1983	Đắk Lắk	3 năm	Da liễu
2.	Nguyễn Lê Trà Mi	Nữ	11/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Da liễu
3.	Nguyễn Trần Ngọc Huyền	Nữ	25/02/1991	Đồng Nai	3 năm	Da liễu
4.	Đinh Gia Khánh	Nam	05/06/1994	Tây Ninh	3 năm	Huyết học và truyền máu
5.	Nguyễn Vũ Hải Sơn	Nam	09/03/1994	Đắk Lắk	3 năm	Huyết học và truyền máu
6.	Nguyễn Thế Quang	Nam	19/09/1993	TP. Hồ Chí Minh	4 năm	Huyết học và truyền máu
7.	Nguyễn Thị Nhã Đoan	Nữ	06/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Nội khoa
8.	Lưu Ngọc Mai	Nữ	22/02/1988	Lâm Đồng	3 năm	Nội khoa
9.	Trần Thị Thúy Tường	Nữ	12/10/1985	Đồng Nai	3 năm	Nội khoa
10.	Phan Thế Sang	Nam	09/12/1976	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Nội khoa
11.	Hoàng Khánh Chi	Nữ	09/06/1988	Bà Rịa-Vũng Tàu	3 năm	Nội tiết
12.	Phan Thị Quỳnh Như	Nữ	16/11/1989	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Nội tiết
13.	Phạm Thành Trung	Nam	14/11/1988	Bà Rịa-Vũng Tàu	3 năm	Thần kinh
6. Ngành Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (mã số đào tạo: 9720109): 03 học viên						
1.	Nguyễn Hồng Đức	Nam	22/12/1954	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Lao
2.	Đoàn Tân	Nam	15/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	4 năm	Lao
3.	Võ Ngọc Anh Thơ	Nữ	27/10/1982	Bến Tre	3 năm	Truyền nhiễm
7. Ngành Y học cổ truyền (mã số đào tạo: 9720115): 01 học viên						
1.	Tăng Khánh Huy	Nam	07/03/1990	Tiền Giang	3 năm	Y học cổ truyền
8. Ngành Dịch tễ học (mã số đào tạo 9720117): 02 học viên						
1.	Lâm Nhựt Anh	Nam	25/02/1994	An Giang	3 năm	Dịch tễ học
2.	Vũ Minh Hoàng	Nam	27/04/1984	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Dịch tễ học

thao

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
9. Ngành Tai – Mũi – Họng (mã số đào tạo: 9720155): 04 học viên						
1.	Lê Văn Vĩnh Quyền	Nam	02/01/1987	Bình Phước	3 năm	Tai - Mũi - Họng
2.	Nguyễn Tuấn Như	Nam	31/05/1970	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Tai - Mũi - Họng
3.	Lê Quốc Khánh	Nam	17/09/1993	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Tai - Mũi - Họng
4.	Trương Thành Trí	Nam	03/10/1984	Đồng Tháp	3 năm	Tai - Mũi - Họng
10. Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (mã số đào tạo: 9720202): 03 học viên						
1.	Lê Tuấn Anh	Nam	29/09/1989	Bình Định	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
2.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	29/11/1985	Ninh Thuận	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
3.	Nguyễn Hương Trâm	Nữ	04/12/1995	Tiền Giang	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
11. Ngành Hóa dược (mã số đào tạo: 9720203): 01 học viên						
1.	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	12/04/1987	Đắk Lắk	3 năm	Hóa dược
12. Ngành Dược lý và Dược lâm sàng (mã số đào tạo: 9720205): 01 học viên						
1.	Nguyễn Thế Anh	Nữ	18/07/1988	Tiền Giang	3 năm	Dược lý và dược lâm sàng
13. Ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (mã số đào tạo: 9720206): 02 học viên						
1.	Trần Thị Minh Tâm	Nữ	29/10/1987	Đắk Lắk	3 năm	Dược liệu - Dược học cổ truyền
2.	Nguyễn Thị Phương Trúc	Nữ	25/11/1986	Bình Dương	3 năm	Dược liệu - Dược học cổ truyền
14. Ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (mã số đào tạo: 9720210): 02 học viên						
1.	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	Nữ	26/01/1982	TP. Hồ Chí Minh	3 năm	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
2.	Lê Thị Minh Thu	Nữ	31/08/1991	Trà Vinh	3 năm	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
15. Ngành Tổ chức quản lý dược (mã số đào tạo: 9720212): 01 học viên						
1.	Huỳnh Thị Phương Duyên	Nữ	02/7/1978	Lâm Đồng	3 năm	Tổ chức quản lý dược
16. Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học (mã số đào tạo: 9720601): 02 học viên						
1.	Đinh Quốc Long	Nam	28/11/1986	Lâm Đồng	3 năm	Kỹ thuật Xét nghiệm y học
2.	Kim Trần Quan	Nam	03/02/1986	Bến Tre	3 năm	Kỹ thuật Xét nghiệm y học

Ấn định danh sách công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2024 đợt 2 có 59 học viên (năm mươi chín) thuộc 16 ngành./.

Chào